

Họ và tên: Lớp:

BÀI TẬP ÔN GIỮA HKI
MÔN TOÁN – LỚP 5
Năm học: 20... - 20...

PHẦN 1. SỐ VÀ PHÉP TÍNH

❖ 1. Số và phép tính

Bài 1: Đọc các hỗn số sau

- a) $2\frac{2}{3}$ =
- b) $5\frac{4}{15}$ =
- c) $6\frac{7}{10}$ =
- d) $4\frac{2}{100}$ =

Bài 2: Viết hỗn số sau

- a) Bảy và năm phần mười:
- b) Mười và tám phần tư:
- c) Một và chín phần một trăm:
- d) Hai mươi và bảy phần một nghìn:

Bài 3: Viết các phân số sau thành phân số thập phân

- a) $\frac{3}{2}$ =
- b) $\frac{4}{5}$ =
- c) $\frac{33}{500}$ =
- d) $\frac{2}{5}$ =
- e) $\frac{3}{20}$ =
- f) $\frac{147}{250}$ =

Bài 4: Viết các hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân

- a) $2\frac{1}{10}$ =
- b) $15\frac{8}{1000}$ =
- c) $2\frac{28}{100}$ =
- d) $1\frac{6}{100}$ =
- e) $1\frac{9}{10}$ =
- f) $5\frac{5}{1000}$ =

❖ 2. Phép tính và biểu thức

Bài 1: Tính

- a) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}$ =
- d) $\frac{1}{4} - \frac{2}{9}$ =

b) $\frac{4}{5} + \frac{2}{6} =$

e) $\frac{6}{7} - \frac{3}{8} =$

c) $\frac{12}{7} + \frac{4}{2} =$

f) $4 - \frac{2}{3} =$

Bài 2: Tính giá trị biểu thức

a) $1241 + 345 \times 4 - 100$
=
=
=

c) $10\,000 : 2 + 1000 \times 2$
=
=
=

b) $479\,384 + 135 - 19 \times 93$
=
=
=

d) $\frac{5}{7} \times \frac{7}{5} + 5\frac{4}{7} - \frac{3}{8}$
=
=
=

Bài 3: Điền vào chỗ trống

a) $4059 + \dots = 7876$

c) $6535 - \dots = 4725$

b) $23 \times \dots = 452 + 790$

d) $\dots : 34 = 20$

❖ 3. Số thập phân

Bài 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng

Câu 1. Chữ số 5 trong số 12,345 thuộc hàng

- A. Hàng phần nghìn
- B. Hàng phần chục
- C. Hàng phần trăm
- D. Hàng phần đơn vị

Câu 2. Chữ số 2 trong số 206,01 thuộc hàng

- A. Hàng trăm
- B. Hàng chục
- C. Hàng phần trăm
- D. Hàng phần chục

Câu 3. Khẳng định nào sau đây là đúng

- A. Giá trị của chữ số 1 trong số 20326,1 là hàng chục.
- B. Trong số thập phân, phần nguyên là phần đứng sau dấu phẩy.
- C. Trong số thập phân, dấu phẩy dùng để ngăn cách phần nguyên và phần thập phân.
- D. Chữ số đầu tiên bên phải dấu phẩy là hàng phần đơn vị.

Câu 4. Đọc số thập phân sau: 12,032

- A. Mười hai phẩy ba hai.
- B. Mười hai phẩy không trăm ba hai.
- C. Mười hai nghìn không ba hai.
- D. Mười hai nghìn không trăm ba mươi hai.

Bài 2: So sánh số thập phân

a) 37,2936,92

d) 129,0032 129,032

b) 135,74 135,75

e) 98,102398,1203

c) 89,21589,215

f) 123,326 132,326

Bài 3: Dũng và Hùng sưu tầm được 180 cái tem. Số tem Dũng sưu tầm được bằng $\frac{5}{7}$ số tem của Hùng. Hỏi Dũng sưu tầm được bao nhiêu cái tem?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Một sân vận động hình chữ nhật có chu vi là 400m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tìm chiều dài, chiều rộng của sân vận động đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Một trang trại có số dê gấp 5 lần số cừu. Biết rằng số dê nhiều hơn số cừu là 120 con. Hỏi trang trại đó có bao nhiêu con dê, bao nhiêu con cừu?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Có hai thùng đựng dầu, thùng thứ nhất đựng ít hơn thùng thứ hai 48 lít dầu. Biết số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{3}{5}$ số dầu ở thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng đựng bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❖ 4. Giải toán khó nâng cao

Bài 1: Tính bằng cách thuận tiện các biểu thức sau

$A = 25 \times 16 \times 4 \times 5$

=

=

=

=

$B = 137 \times 92 + 137 \times 8$

=

=

=

=

$C = 56 \times 89 - 46 \times 89$

=

=

=

=

$D = 5231 + 2 \times 456 - 2 \times 156$

=

=

=

=

Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện

$A = \frac{11}{20} \times \frac{5}{8} + \frac{3}{8} \times \frac{11}{20}$

=

=

=

$B = \frac{5}{9} + \frac{13}{7} + \frac{15}{13} + \frac{8}{7} + \frac{4}{9} + \frac{11}{13}$

=

=

=

$C = \frac{8}{5} + \frac{3}{6} + 2 + \frac{4}{5} + \frac{3}{2} + \frac{3}{5}$

=

=

=

=

$D = \frac{1}{2} \times (2 - \frac{1}{4}) + \frac{1}{2} \times 1\frac{5}{4}$

=

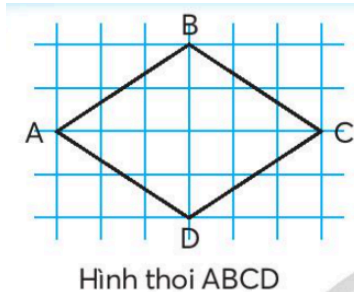
=

=

=

PHẦN 2. HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

Bài 1: Cho hình thoi ABCD có độ dài các cạnh $AB = BC = CD = AD = 15$ cm. Viết phép tính tính chu vi hình thoi ABCD

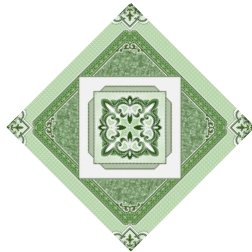


.....

.....

.....

Bài 2: Cho hình bên, biết rằng các cạnh của viên gạch bằng 80 cm. Tính chu vi viên gạch đó?



Viết phép tính tính chu vi viên gạch đó:

.....

.....

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S

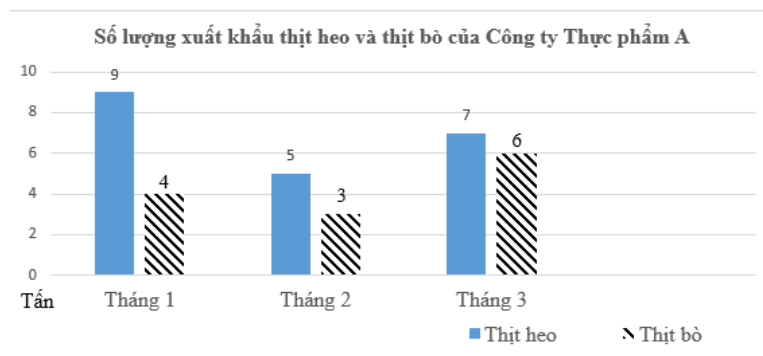
- a) $12 \text{ ha} = 12\,000 \text{ m}^2$
- b) $\frac{1}{5} \text{ km}^2 = 200\,000 \text{ m}^2$

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

Tỉ lệ bản đồ	1 : 500
Độ dài trên bản đồ	2 cm	2 cm
Độ dài thực tế m	20 m

PHẦN 3. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

Bài 1: Quan sát biểu đồ sau và điền vào chỗ chấm

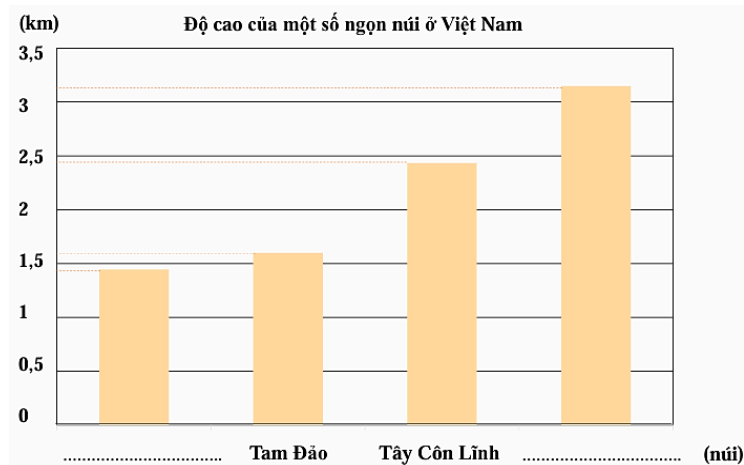


- a. Tháng có số lượng xuất khẩu thịt heo lớn nhất, tháng có số lượng xuất khẩu thịt bò lớn nhất.
- b. Tổng số lượng xuất khẩu thịt heo và thịt bò của tháng 1 nhiều hơn Tổng số lượng xuất khẩu thịt heo và thịt bò của tháng 2 tấn.

Bài 2: Quan sát bảng số liệu và hoàn thành biểu đồ cột

Tên đỉnh núi	Phan - xi - păng	Bạch Mã	Tam Đảo	Tây Côn Lĩnh
Độ cao (km)	3,147	1,444	1,597	2,431

(nguồn: <https://vi.wikipedia.org>)



Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

Minh bốc thăm 40 lần. Số lần Minh bốc được thăm màu xanh bằng $\frac{23}{40}$ tổng số lần bốc thăm, còn lại là bốc trúng thăm màu vàng.

+ Minh đã bốc trúng thăm màu xanh lần.

+ Tỉ số giữa số lần Minh bốc trúng thăm màu xanh so với số lần Minh bốc trúng thăm màu vàng là

Bài 4: Câu lạc bộ bóng đá của Trường ghi nhận kết quả của 3 bạn Bình, Thắng, Khang sau 20 lần sút bóng như sau:

Tên	Số lần sút bóng vào khung thành
Bình	15
Thắng	13
Khang	10

Đúng ghi Đ, sai ghi S

- Tỉ số của số lần sút bóng vào khung thành của Bình và số lần sút bóng vào khung thành của Khang là $\frac{10}{15}$
- Tỉ số của số lần sút bóng không vào khung thành của Khang và tổng số lần sút là $\frac{10}{20}$

PHẦN 4. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Bài 1. Sân chơi trường Tiểu học Khai Nguyễn có chiều dài 12m và chiều rộng 5m. Nhà trường muốn mua thảm cỏ nhựa trải sân chơi đó, biết rằng mỗi mét vuông thảm cỏ có giá 285.000 đồng. Tính số tiền mua thảm cỏ để trải vừa sân chơi của trường.

Bài giải

Diện tích sân bóng trường Khai Nguyễn là:

.....
Số tiền mua thảm cỏ để trải vừa sân chơi của trường là:

.....
Đáp số:

Bài 2: Vườn cây ăn quả của nhà bác Tư có hình chữ nhật có chu vi là 81000 dm . Bác Tư dự định xây cọc hàng rào chắn để bảo vệ. Biết rằng, mỗi cọc hàng rào cách nhau 3 m. Hỏi bác Tư cần đóng bao nhiêu cọc hàng rào để xây hết khu vườn đó?

Bài giải

Đôi:.....=.....

Bác Tư cần đóng số cọc hàng rào để xây hết khu vườn đó là:

.....
Đáp số:

Bài 3: Một khu đất có dạng hình chữ nhật có chiều dài 40m, chiều rộng 22m. Khi vẽ mảnh đất đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 200 thì chiều dài và chiều rộng là bao nhiêu cm?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Chúc em ôn bài tốt nhé!

